TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THANH KHÊ

TỔ TOÁN – TIN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I
MÔN TIN HỌC 12
NĂM HỌC 2024 – 2025

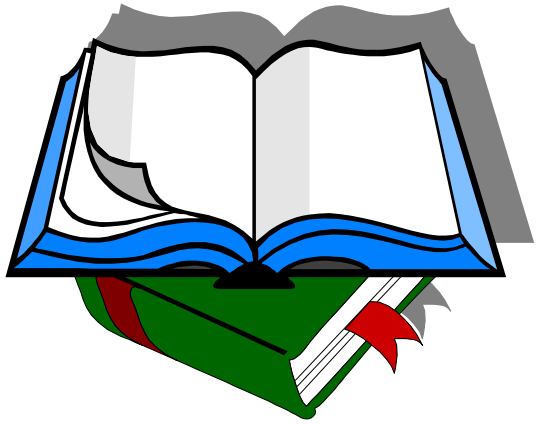

ĐÀ NẴNG, THÁNG 12/2024

TRƯỜNG THPT THANH KHÊ
TỔ TOÁN – TIN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TIN HỌC – LỚP 12
NĂM HỌC 2024 – 2025

A. MA TRẬN KIỂM TRA

TT	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng Cấp độ tư duy			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng-sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	**12A. Máy tính và xã hội tri thức -** Giới thiệu trí tuệ nhân tạo	Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo	1	1								**1**	**1**		**5% (0.5 điểm)**
2	**12B. Mạng máy tính và Internet -** Kết nối mạng	Các chức năng mạng của hệ điều hành	2	1								**2**	**1**		**7.5 % (0.75 điểm)**
3	**12D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số -** Ứng xử văn hóa và an toàn mạng	Gìn giữ tính nhân văn trong thế giới ảo		1									**1**		**2.5% (0.25 điểm)**
4	**12F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** – Tạo trang web	Cấu trúc trang web dưới dạng HTML	9	7	2	4	2	2			8	**13**	**9**	**12**	**85% (8.5 điểm)**
Tổng số câu			12	10	2	4	2	2			8	16	12	12	**40**
Tổng số điểm			3.0	2.5	0.5	1.0	0.5	0.5	0	0	2.0	4.0	3.0	3.0	**10**
Tỉ lệ %			**60%**			**20%**			**20%**			**40 %**	**30%**	**30%**	**100%**

B. MỘT SỐ CÂU HỎI THAM KHẢO

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1. Nhận định nào sau đây là **sai** khi nói về sự ảnh hưởng của AI trong tương lai?
A. Tăng cường sự tự động hoá trong công việc.
B. Có thể thay thế con người trong một số lĩnh vực.
C. Tạo ra nguy cơ về an ninh mạng và quyền riêng tư.
D. Sẽ luôn an toàn và có lợi cho con người.

Câu 2. Với sự phát triển của AI, trong tương lai việc làm nào sau đây có thể không cần con người thực hiện?
A. Giáo viên. B. Bác sĩ tâm lý. C. Nhân viên tư vấn. D. Vận động viên.

Câu 3. Đánh giá nào **không** phù hợp về tri thức của chat GPT?
A. Có hiểu biết rộng về nhiều lĩnh vực.
B. Có khả năng tạo văn bản theo nhiều phong cách khác nhau.
C. Có khả năng trả lời câu hỏi ở nhiều dạng khác nhau.
D. Có kiến thức chuyên sâu về nhiều lĩnh vực.

Câu 4. Phương án nào dưới đây **không** phù hợp để minh hoạ cho hệ thống Trí tuệ nhân tạo có tri thức?
A. Mô hình AI có thể trả lời câu hỏi dựa trên thông tin từ dữ liệu huấn luyện.
B. Chatbot có thể trò chuyện và đưa ra câu trả lời hợp lí cho các câu hỏi mở.
C. Hệ thống AI có thể chẩn đoán bệnh dựa trên triệu chứng và bệnh án.
D. Robot hút bụi tự động làm sạch sàn nhà theo lịch trình định sẵn.

Câu 5. Thiết bị mạng nào sau đây là cần thiết để kết nối điện thoại thông minh với mạng máy tính?
A. Switch. B. Access Point. C. Router. D. Modem.

Câu 6. Giao thức IP làm nhiệm vụ gì trong mạng?
A. Xác định địa chỉ MAC cho các thiết bị.
B. Chia dữ liệu thành các gói nhỏ.
C. Thiết lập địa chỉ và định tuyến các gói dữ liệu.
D. Kiểm tra lỗi trong truyền tải dữ liệu.

Câu 7. Trong một phòng máy ở một công ty, người quản lí muốn chia sẻ một thư mục trong đó chứa các thông báo và quyết định để nhân viên chỉ có thể xem được. Chế độ phân quyền nào sau đây là phù hợp nhất khi chia sẻ thư mục trong tình huống trên?
A. Full Control. B. Change. C. Read. D. Không cần cài đặt chế độ.

Câu 8. Để chia sẻ thư mục trên PC-A, bước nào sau đây là đúng?
A. Chọn thư mục, nhấp chuột phải, chọn Properties, sau đó chọn Sharing.
B. Chọn thư mục, nhấp chuột phải, chọn Share.
C. Mở thư mục, sau đó chọn Share.
D. Chọn thư mục, sau đó chọn Add to Network.

Câu 9. Chức năng chính của Access Point là gì?
A. Chia sẻ file và thư mục giữa các máy tính trong mạng.
B. Kết nối các thiết bị trong mạng với nhau.
C. Cung cấp dịch vụ mạng để cấp địa chỉ IP cho các thiết bị.
D. Cung cấp phương thức kết nối không dây cho mạng LAN.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về việc chia sẻ tệp và thư mục giữa các máy tính trong một mạng?
A. Mọi người dùng trong mạng đều có thể truy cập, chỉnh sửa tệp và thư mục được chia sẻ mà không cần bất kỳ quyền hạn nào.

B. Việc chia sẻ tệp và thư mục cần phải được thực hiện bằng cách sử dụng các dịch vụ lưu trữ đám mây như Google Drive hoặc Dropbox.
C. Máy tính cần được kết nối với cùng một mạng wifi để có thể chia sẻ tệp thư mục.
D. Việc chia sẻ tệp và thư mục có thể được thực hiện bằng cách sử dụng các tính năng tích hợp sẵn trong hệ điều hành như Windows Sharing.
Câu 11. Phương án nào sau đây **không** phải là một nhiệm vụ của giao thức TCP?
A. Quản lí việc thiết lập, duy trì và đóng kết nối giữa các thiết bị trên mạng.
B. Quản lí việc định địa chỉ và định tuyến của các gói dữ liệu trong mạng.
C. Đảm bảo truyền tải dữ liệu đáng tin cậy và theo đúng thứ tự từ nguồn đến đích.
D. Xác định cách chia dữ liệu thành các gói, kiểm tra tính toàn vẹn của dữ liệu.
Câu 12. Khẳng định nào sau đây là **sai** về giao thức TCP/IP?
A. Gồm 2 phần chính là giao thức kiểm soát truyền tin và giao thức Internet.
B. Không áp dụng khi truyền dữ liệu trên mạng Internet.
C. Đảm bảo việc truyền dữ liệu ổn định trên mạng.
D. Là bộ giao thức được sử dụng phổ biến hiện nay.
Câu 13. Khi tham gia mạng xã hội, ưu điểm chính nào sau đây có thể được nhấn mạnh?
A. Tạo ra một môi trường an toàn cho việc chia sẻ thông tin cá nhân.
B. Kết nối với người dùng từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau.
C. Giảm bớt thời gian mà người dùng phải dành để tương tác với người khác.
D. Giúp người dùng tránh khỏi các tin tức giả mạo và thông tin không chính xác.
Câu 14. Phương án nào nêu đúng về nhược điểm lớn nhất của giao tiếp trong thế giới ảo khi so với giao tiếp trực tiếp?
A. Thời gian trò chuyện bị giới hạn.
B. Dễ dẫn đến hiểu lầm vì thiếu ngôn ngữ cơ thể.
C. Yêu cầu người tham gia phải gặp mặt.
D. Khó khăn trong việc ghi lại nội dung trao đổi.
Câu 15. Thẻ HTML nào dưới đây là thẻ đơn?
A. B. <img> C. <h1> D.
Câu 16. Trong các khai báo cấu trúc văn bản HTML sau, khai báo nào đúng cú pháp?
A. *<html> <head> <title> </title> </head> <body> </body> < /html>*
B. *<html> <head> </head> <body> <title> </title> </body> < /html>*
C. *<html> <head> <title> <body> </body> </title> </head> < /html>*
D. *<html> <body> <title> <head> </head> </title> </body> < /html>*
Câu 17. Phương án nào nêu đúng phần tử được sử dụng để khai báo phần nội dung của trang web?
A. *body.* B. *html.* C. *head.* D. *meta.*
Câu 18. HTML là viết tắt của cụm từ nào sau đây?
A. Hyperlinks and Text Markup Language. B. Home Tool Markup Language.
C. HyperText Markup Language. D. HyperText Makeup Language.
Câu 19. Phần tử nào sau đây được dùng để khai báo phần nội dung hiển thị trên thanh tiêu đề của cửa sổ trình duyệt?
A. *title.* B. *head.* C. *body.* D. *html.*
Câu 20. Phương án nào sau đây nêu đúng cú pháp khai báo tạo đoạn văn bản trên trang web?
A. * Văn bản * C. * Văn bản *
B. * Văn bản * D. * Văn bản *
Câu 21. Khi muốn hiển thị một đoạn văn theo kiểu chữ nghiêng để chỉ ra rằng nó là một cụm từ đặc biệt, sử dụng phần tử nào sau đây?
A. strong. B. italic.

C. mark. D. em.

Câu 22. Các cấp độ tiêu đề mục trong HTML được phân biệt như thế nào?
A. Phân biệt bằng kiểu chữ. B. Phân biệt bằng cỡ chữ.
C. Phân biệt bằng màu chữ. D. Phân biệt bằng phông chữ.

Câu 23. Thẻ nào sau đây có thể xuất hiện nhiều hơn một lần trong một trang HTML?
A. <body> B. <head> C. D. <html>

Câu 24. Thẻ
 được sử dụng để làm gì?
A. Xuống dòng cho văn bản. B. In đậm một đoạn văn bản.
C. In nghiêng một đoạn văn bản. D. Đánh dấu phần văn bản được chọn.

Câu 25. Thuộc tính nào sau đây **không** có trong thẻ hiển thị ảnh của HTML?
A. img. B. src. C. alt. D. size.

Câu 26. Thẻ nào sau đây được sử dụng để tạo một siêu liên kết trong HTML?
A. <link> B. <a> C. <src> D. <href>

Câu 27. Thuộc tính nào sao đây **không** có trong thẻ hiển thị audio?
A. src. B. controls. C. width, height. D. url.

Câu 28. Thẻ nào được sử dụng để tạo biểu mẫu trên web?
A. <input> B. <label> C. <form> D. <select>

Câu 29. Để tạo một nút gửi thông tin trong biểu mẫu, thẻ <input> nên sử dụng thuộc tính nào?
A. type="text" B. type="submit" C. type="button" D. type="reset"

Câu 30. Điều khiển nào trên biểu mẫu cho phép người dùng chọn nhiều mục cùng một lúc?
A. Hộp kiểm (checkbox) B. Ô văn bản (text box)
C. Nút chọn (radio button) D. Nút gửi (submit button)

Câu 31. Thuộc tính nào được sử dụng để xác định thứ tự bắt đầu của danh sách xác định thứ tự?
A. type. B. start. C. order. D. list.

Câu 32. Thuộc tính nào được sử dụng để xác định kiểu đánh số trong danh sách có thứ tự?
A. start B. list-style-type C. type D. order

Câu 33. Phương án nào sau đây nêu đúng mục đích sử dụng khung nội tuyến trong HTML?
A. Hiển thị các văn bản HTML khác trong cùng một trang web.
B. Tạo ra liên kết đến các phần tử html khác hoặc các trang web bên ngoài.
C. Nhúng một trang web hoặc một tài nguyên từ bên ngoài vào trang web hiện tại.
D. Chỉ được sử dụng để hiển thị hình ảnh hoặc video từ các trang web bên ngoài.

Câu 34. Phát biểu nào sau đây **sai**?
A. Phần tử audio dùng để chèn video vào trang web.
B. Việc khai báo thuộc tính cho phần tử là không bắt buộc.
C. Tiêu đề trang web được khai báo bởi phần tử title.
D. Phần tử meta nằm trong phần tử head.

Câu 35. Cho văn bản HTML sau đây:

```
<html>
<head>
    <title>Tiêu đề văn bản</title>
</head>
<body>
    <h1>Đây là tiêu đề lớn nhất.</h2>
</body>
</html>
```

Phương án nào sau đây nêu đúng lỗi có trong văn bản trên?

A. Thẻ <title> đặt trong thẻ <head> không đúng.
B. Thiếu kí tự / trong thẻ đóng của tiêu đề <h1>.
C. Thẻ <body> khai báo thừa.
D. Thẻ mở <h1> và thẻ đóng </h2> không tương ứng.

Câu 36. Khi nhấp chuột vào một siêu liên kết theo mặc định nội dung trang web liên kết sẽ hiển thị ở đâu?
A. Trong cửa sổ trình duyệt hiện tại.
B. Trong một cửa sổ trình duyệt mới.
C. Trong một tab mới của trình duyệt.
D. Trong một cửa sổ mới.

Câu 37. Các phần tử tiêu đề mục trong HTML được hiển thị với kiểu chữ và kích thước như thế nào?
A. Tất cả đều có cùng kích thước và kiểu chữ.
B. Kích thước chữ giảm dần từ <h1> đến <h6> và kiểu chữ in đậm.
C. Kích thước chữ tăng dần từ <h1> đến <h6> và kiểu chữ in nghiêng.
D. Kích thước chữ không thay đổi và kiểu chữ khác nhau tùy thuộc vào trình duyệt.

Câu 38. Cú pháp nào là đúng để khai báo một ô dữ liệu trong bảng?
A. <td>dữ liệu</td>
B. <tr>dữ liệu</tr>
C. <table>dữ liệu</table>
D. <th>dữ liệu</th>

Câu 39. Phát biểu nào sau đây nêu đúng mục đích sử dụng biểu mẫu trong HTML?
A. Hiển thị dữ liệu dưới dạng bảng.
B. Thu thập và gửi dữ liệu từ người dùng đến máy chủ của trang web.
C. Tạo các phần tử trình bày như tiêu đề, đoạn văn.
D. Định dạng và trình bày nội dung trang web.

Câu 40. Thuộc tính nào của thẻ <img> là bắt buộc?
A. alt.
B. src.
C. width.
D. controls.

Câu 41. Khi tạo bảng, cần khai báo thuộc tính nào để tạo đường viền bao quanh các ô?
A. border.
B. padding.
C. margin.
D. color.

Câu 42. Cú pháp HTML nào sau đây là đúng để tạo ra một bảng có 2 dòng, mỗi dòng 1 ô?
A. <table><tr><th></th></tr> <tr><td></td></tr></table>
B. <table><tr><td></td><td></td></tr></table>
C. <table><tr><th></th></tr><tr><td><tr></td></tr></table>
D. <tbl><tr><td></td><td></td></tr></tbl>

Câu 43. Cú pháp HTML nào sau đây là đúng để hiển thị một hình ảnh trên trình duyệt?
A. <image href="icon.png" alt="biểu tượng">
B. <img href="icon.jpg" controls>
C. <img link="icon.png" alt="biểu tượng">
D. <img src="icon.jpg" alt="biểu tượng">

Câu 44. Thẻ HTML nào sau đây tạo ra một ô nhập dữ liệu với nhiều dòng?
A. <input type=”textarea”>
B. <input type=”textbox”>
C. <textarea>
D. <input type=”submit”>

Câu 45. Đoạn mã HTML nào sau đây phù hợp để tạo một biểu mẫu trong đó có phần tử cho phép người dùng nhập mật khẩu?
A. <input type="text" name="password">
B. <input type="password" name="password">
C. <textarea name="password"></textarea>
D. <select name="password"></select>

Câu 46. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào **sai**?
A. Phần tử *strong* để in đậm nội dung văn bản khi hiển thị trên màn hình trình duyệt web.
B. Phần tử *mark* để tô màu vàng cho nền văn bản khi hiển thị trên màn hình trình duyệt web.
C. Phần tử *a* để gạch chân nội dung văn bản khi hiển thị trên màn hình trình duyệt web.
D. Phần tử *em* để in nghiêng nội dung văn bản khi hiển thị trên màn hình trình duyệt web.

Câu 47. Phát biểu nào dưới đây đúng khi nhận xét về đoạn mã (văn bản) HTML tạo siêu liên kết sau?
Trang chủ
A. URL không đúng. B. Đúng cú pháp, không có lỗi.
C. Thiếu giá trị cho thuộc tính href. D. Thẻ đặt sai vị trí.
Câu 48. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào là đúng?
A. HTML5 cung cấp phần tử *font* để định dạng phông chữ cho văn bản.
B. HTML hỗ trợ khai báo bảy tiêu đề mục được phân cấp từ h1 đến h7.
C. Có thể tạo siêu liên kết giữa các trang web trong cùng thư mục.
D. Mỗi phần tử trong một văn bản HTML có thể có nhiều định danh.
Câu 49. Khi thiết kế trang web về thông tin cá nhân, muốn hiển thị địa chỉ trang web về trường học của chủ sở hữu. Người thiết kế trang web cần sử dụng phương án khai báo nào sau đây?
A. <a “href= https://tkh.edu.vn”>Trường học
B. <a> href= https://tkh.edu.vn Trường học
C. Trường học
D. <a href= https://tkh.edu.vn “Trường học”
Câu 50. Để liệt kê danh sách các môn học không xác định thứ tự, đoạn mã html nào sau đây là đúng?
A. Toán, Vật lí, Hóa học
B. Toán Vật lí Hóa học
C. Toán Vật lí Hóa học
D. Toán Vật lí Hóa học
Câu 51. Trong HTML, phần tử nào sau đây được sử dụng để tạo nội dung của danh sách xác định thứ tự?
A. ol. B. li. C. ul. D. p.
Câu 52. Khi tạo bảng trong HTML, mỗi hàng được khai báo bằng phần tử nào sau đây?
A. table. B. td. C. tr. D. body.
Câu 53. Phương án nào sau đây nêu đúng sự khác biệt giữa phần tử ul và ol trong HTML?
A. Phần tử *ul* dùng để tạo danh sách có thứ tự, còn phần tử *ol* dùng để tạo từng mục trong danh sách.
B. Phần tử *ul* dùng để tạo danh sách không có thứ tự, còn phần tử *ol* dùng để tạo từng mục trong danh sách.
C. Phần tử *ul* dùng để tạo mục trong danh sách, còn phần tử *ol* dùng để tạo các danh sách con.
D. Phần tử *ul* dùng để tạo danh sách không xác định thứ tự, còn phần tử *ol* dùng để tạo danh sách xác định số thứ tự.
Câu 54. Để tạo một danh sách không có thứ tự với các mục là "Trái cây", "Rau củ", "Thịt", ta sử dụng đoạn mã nào sau đây?
A. Trái cây
Rau củ
Thịt
B. Trái cây
Rau củ
Thịt
C. Trái cây
Rau củ
Thịt
D. Trái cây
Rau củ
Thịt
Câu 55. Phương án nào cho ở dưới nêu đúng lỗi (nếu có) trong đoạn mã HTML sau?
<iframe src="video.mp4" width="640" height="360"></iframe>
A. Thuộc tính src không phải thuộc tính chỉ định nguồn nội dung cần nhúng vào <iframe>
B. Thẻ <iframe> không được sử dụng để chèn video trên máy tính vào trang web.
C. Kích thước của <iframe> không thể thiết lập cố định.
D. Không có lỗi sai trong đoạn mã này.
Câu 56. Cho đoạn mã HTML sau:

```
<ul type="circle">
  <li>PHP</li>
  <li>C#</li>
  <li>Java</li>
</ul>
```

Phương án nào sau đây nêu đúng kết quả hiển thị của đoạn mã trên trình duyệt?

A. ◦ PHP ◦ C# ◦ Java

B. • PHP • C# • Java

C. ▪ PHP ▪ C# ▪ Java

D. 1. PHP 2. C# 3. Java

Câu 57. Để thêm một video có trên trang YouTube vào trang web của mình sao cho video được hiển thị ngay trong trang web mà không cần phải lưu trữ tập tin video đó. Phương án nào sau đây đáp ứng tốt nhất yêu cầu này?

A. Sử dụng thẻ <iframe> và thiết lập thuộc tính src là đường dẫn của video YouTube.

B. Tải video từ YouTube về máy tính cá nhân và sử dụng thẻ <video> của HTML để chèn video vào trang Web.

C. Trong trang web, tạo siêu liên kết đến video trên YouTube.

D. Sử dụng thẻ <iframe> và thiết lập thuộc tính url là đường dẫn của video YouTube.

Câu 58. Đoạn mã lệnh HTML sau đây sẽ hiển thị biểu mẫu như thế nào?

```
Ngôn ngữ lập trình:
<input type="checkbox" > PHP
<input type="checkbox" > Java
<input type="checkbox" > C#
```

A. Ngôn ngữ lập trình: PHP

B. Ngôn ngữ lập trình: PHP Java C#

C. Ngôn ngữ lập trình: PHP Java C#

D. Ngôn ngữ lập trình: PHP Java C#

Câu 59. Để tạo ra một hộp nhập liệu như sau đây, đoạn mã HTML nào là đúng?

Email: nguyenha@tkh.edu.vn

A. Email: <input *type*="textbox" *value*="nguyenha@tkh.edu.vn" >

B. Email: <input *type*="text" *value*="nguyenha@tkh.edu.vn" >

C. Email: <input *type*="textarea" *name*="nguyenha@tkh.edu.vn" >

D. Email: <input *type*="textbox" *id*="nguyenha@tkh.edu.vn" >

Câu 60. Thành phần nào sau đây của biểu mẫu chỉ cho phép chọn một giá trị trong số nhiều lựa chọn?

A. textbox. B. radio. C. checkbox. D. input.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1. Kết quả hiển thị trên trình duyệt web có một danh sách như sau:

1. Nội dung
2. Nội dung
3. Nội dung
4. Nội dung

Học sinh A đưa ra một số nhận định về mã nguồn chương trình như sau:

a) Danh sách trên là danh sách có thứ tự.

b) Sử dụng thẻ <ul> để khai báo danh sách có thứ tự ở trên.

c) Cần sử dụng 4 thẻ <li> để khai báo 4 mục.

d) Nếu thêm thuộc tính type = "a" vào thẻ khai báo danh sách, danh sách sẽ đánh số a, b, c, d thay cho các giá trị 1, 2, 3, 4 hiện tại.

Câu 2. Trên trang web bán hàng, công ty A đặt một biểu mẫu thu thập thông tin khách hàng có mục như sau:

Địa chỉ: [ ]

Nhận định về biểu mẫu trên, nhân viên M nêu một số ý kiến sau:

a) Sử dụng điều khiển nhập xâu kí tự (ô text) để tạo ô nhập thông tin địa chỉ khách hàng.

b) Khách hàng chỉ được nhập địa chỉ trên một dòng.

c) Nếu thay thế điều khiển nhập xâu kí tự bằng phần tử textarea thì có thể nhập địa chỉ trên nhiều dòng.

d) Khi nhập nội dung phản hồi vào khung, văn bản sẽ bị che đi để bảo mật.

Câu 3. Khi được yêu cầu viết đoạn mã HTML để thu được kết quả hiển thị trên trình duyệt như hình dưới, một học sinh đã đưa ra phân tích về mã HTML của trang web này trước khi viết chương trình như sau.

1. Tài liệu thiết kế trang web
   - Tài liệu HTML
   - Tài liệu CSS
   - Tài liệu Javascript
2. Tài liệu tin học văn phòng
   - Tài liệu Word
   - Tài liệu Excel
   - Tài liệu PowerPoint

a) Cần đặt thẻ <ol> nằm trong thẻ <ul>.

b) Thẻ <ul> có type = "1".

c) Thẻ <ol> không cần sử dụng thuộc tính style.

d) Nếu bỏ thuộc tính style của thẻ <ul> thì kết quả hiển thị sẽ là dấu • thay vì dấu ○ hiện tại.

Câu 4. Câu lệnh sau đây được đặt trong tệp *index.html*:

<iframe src="trangwebmau.html" width="80" height="50"></iframe>

Sau đây là một số nhận định về câu lệnh trên:

a) Thẻ <iframe> dùng để nhúng một trang web vào trang web hiện thời.

b) Tài nguyên được nhúng vào là tệp *trangwebmau.html* nằm trong cùng thư mục chứa tệp *index.html*.

c) Tài nguyên được nhúng được hiển thị trong khung có chiều cao 50px, chiều rộng 80px.

d) Không thể nhúng tài nguyên là các trang web khác máy chủ (chẳng hạn Google) vào trang web hiện thời.

Câu 5. Giáo viên dạy Tin học lớp 12A đưa ra một đoạn mã HTML như bên dưới và yêu cầu HS dự đoán kết quả hiển thị của đoạn chương trình trên trình duyệt.

```
<table border= “1”>
        <caption> Danh sách học sinh </caption>
        <tr>
                <td> Col 1 </td>
                <td> Col 2 </td>
        </tr>
        <tr>
                <td> Name 1 </td>
                <td> 1/2/2002 </td>
        </tr>
        <tr>
                <td> Name 2 </td>
                <td> 1/3/2003 </td>
        </tr>
</table>
```

Các học sinh lớp 12A đã nêu các ý kiến sau:

a) Bảng có 2 hàng, 3 cột.

b) Nên thay các thẻ <tr> bằng <td> và ngược lại.

c) Hàng đầu tiên trong bảng có định dạng chữ đậm.

d) Bảng có chú thích là “Danh sách học sinh”.

Phần III. Tự luận.

Câu 1. Viết các câu lệnh HTML để hiển thị các dòng (1), (2), (5) và (6) trên màn hình trình duyệt web như hình bên.

(1) **Đăng kí khoá học:**
(2) Họ và tên:
(3) Địa chỉ email:
(4) Lựa chọn Khoá học:
(5) ○ Thiết kế web ○ Lập trình web ○ Quản trị website
(6) Đăng kí

Câu 2. Em đang thiết kế một trang web giới thiệu về các hoạt động ngoại khóa của trường. Trang web cần bao gồm hình ảnh, video và biểu mẫu thu thập ý kiến đóng góp của các bạn học sinh. Hãy viết các câu lệnh để thực hiện các yêu cầu dưới đây:

- Chèn hình ảnh có tên “ngoaikhoa.jpg”
- Chèn video có tên “dance.mp4”
- Tạo một ô nhập dữ liệu để học sinh có thể viết ý kiến đóng góp trên 10 dòng.
- Tạo nút "Gửi" vào cuối biểu mẫu.

Câu 3. Viết các câu lệnh HTML để hiển thị danh sách sau trên trình duyệt web:

- THỂ THAO
  1. Bóng đá
  2. Võ
     a. Karatedo
     b. Vovinam
- NGHỆ THUẬT
  1. Piano
  2. Violin

Câu 4. Viết các câu lệnh HTML để tạo bảng hiển thị trên trình duyệt web như hình sau:

Thống kê số lượng học sinh lớp 12A1 tham gia hoạt động thể thao của trường

Nội dung	Nam	Nữ
Bóng bàn	10	5